CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Đầu tư và Xây lắp Constrexim số 8

Ngày 30/09/2025	9,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-2.0%	**6.6%**	**18.3%**

DT thuần
Q3/25
14.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▼7.90| -35.0%
YoY: ▼0.40| -2.8%

LN thuần
Q3/25
0.09
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.08| -44.4%
YoY: ▲ 0.05| 136%

LN sau thuế
Q3/25
0.08
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.05| -41.9%
YoY: ▲ 0.03| 51.1%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
0.6%
YoY: +/-▼ 0.1%

ROE (TTM)
Q3/25
2.0%
YoY: +/-▲ 0.1%

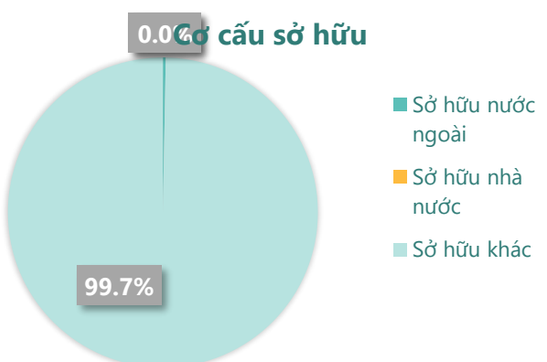
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	6,417 - 10,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	26
Số lượng CPLH (CP)	2,672,157
KLGD BQ 20 phiên (CP)	250
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	0.23
EPS	208
P/E	46.6

DT thuần
9T 2025
46.5
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.90| -3.8%

LN thuần
9T 2025
0.29
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.14| 85.0%

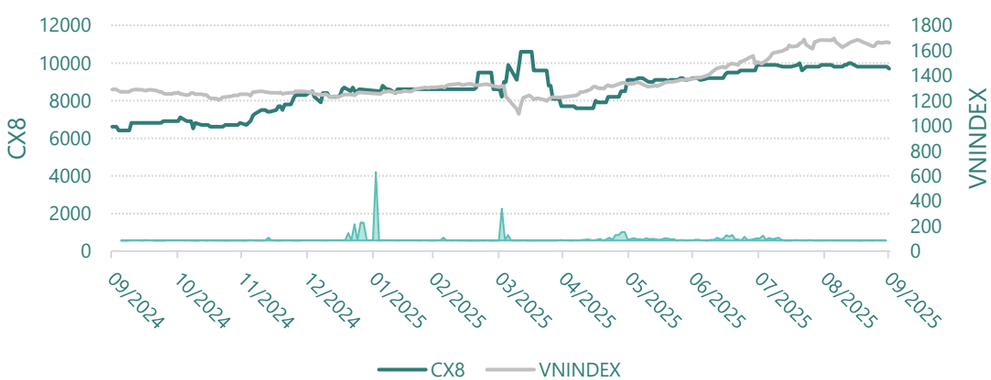
LN sau thuế
9T 2025
0.23
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.10| 75.7%

Cơ cấu sở hữu

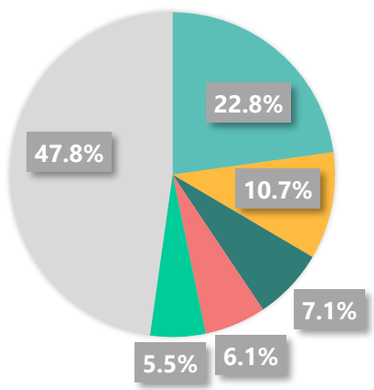


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



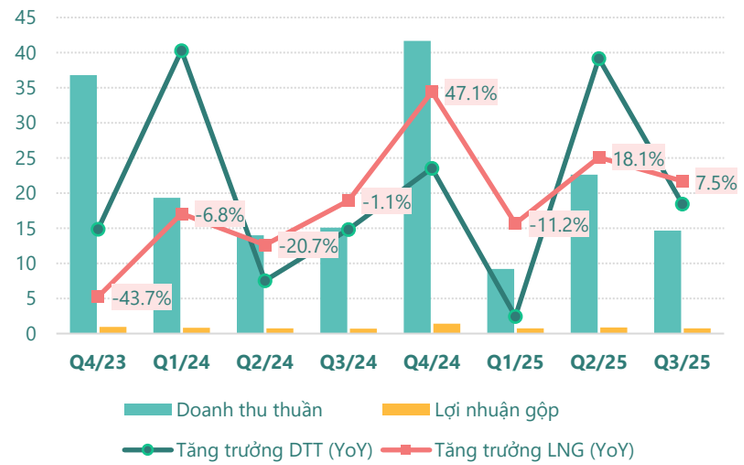
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

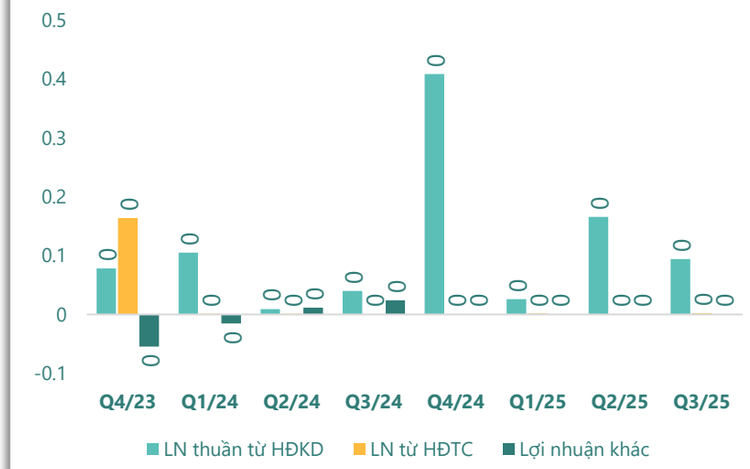
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



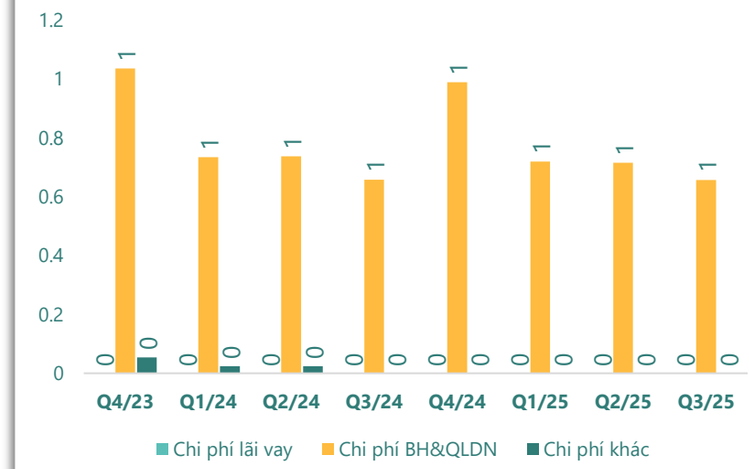
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



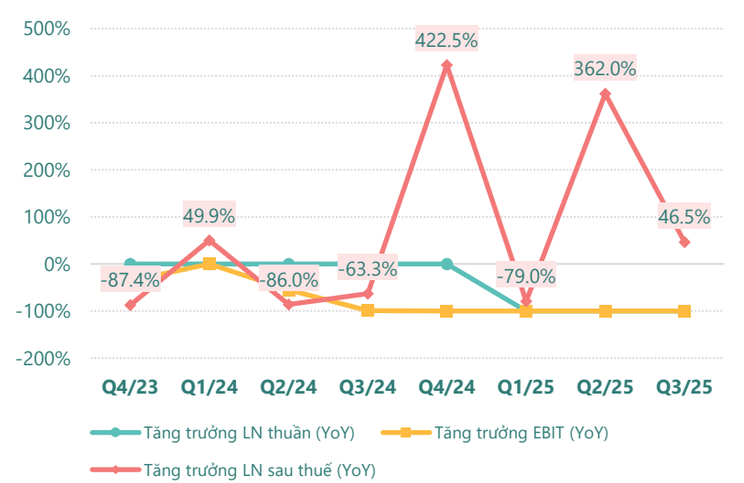
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



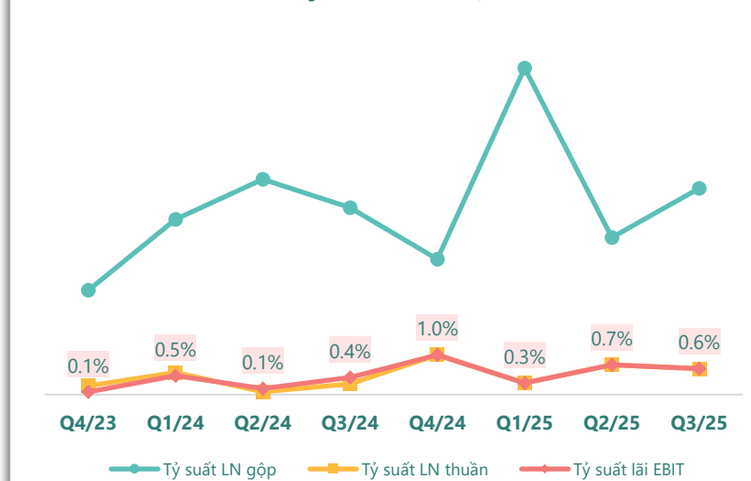
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



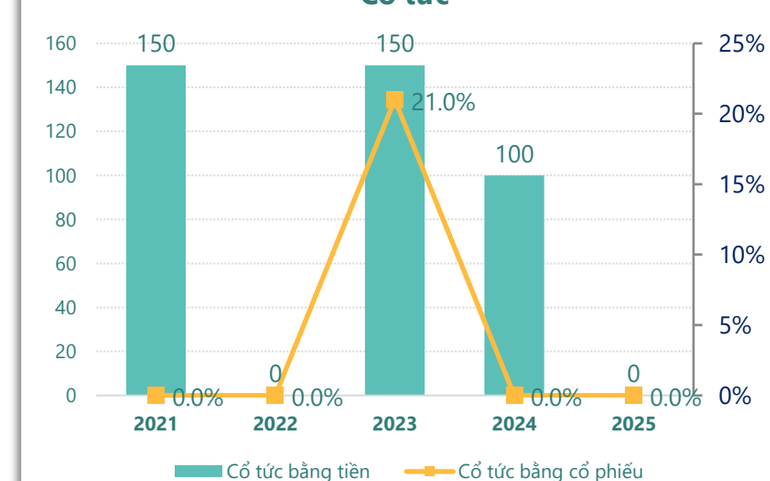
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

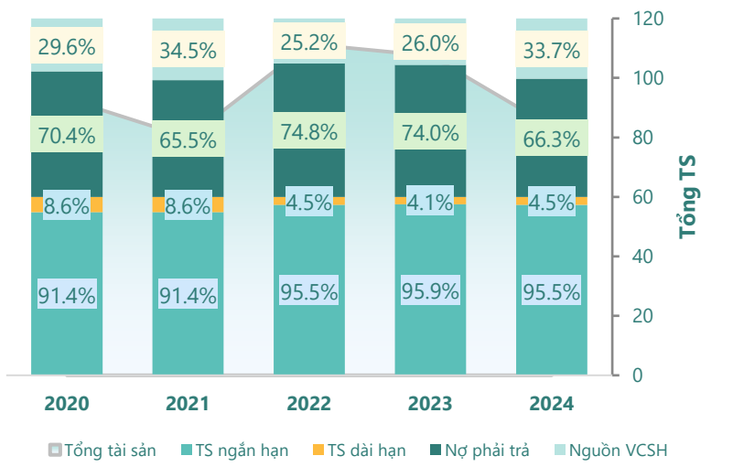
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

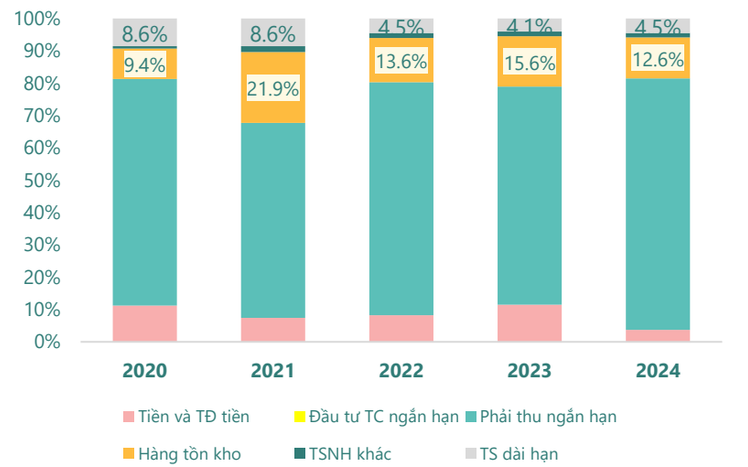
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



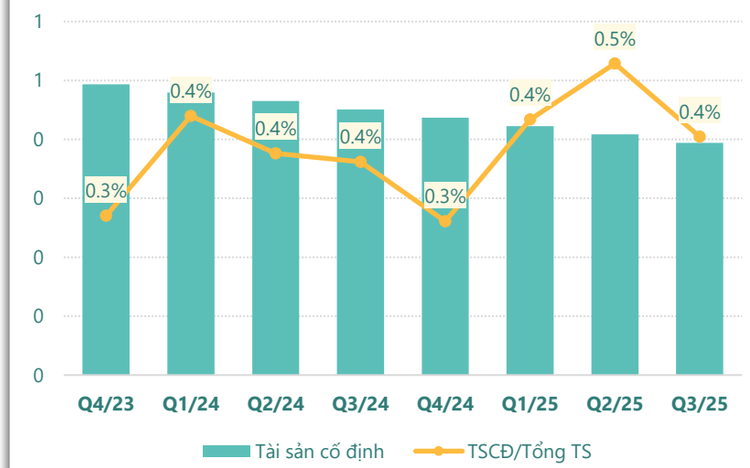
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



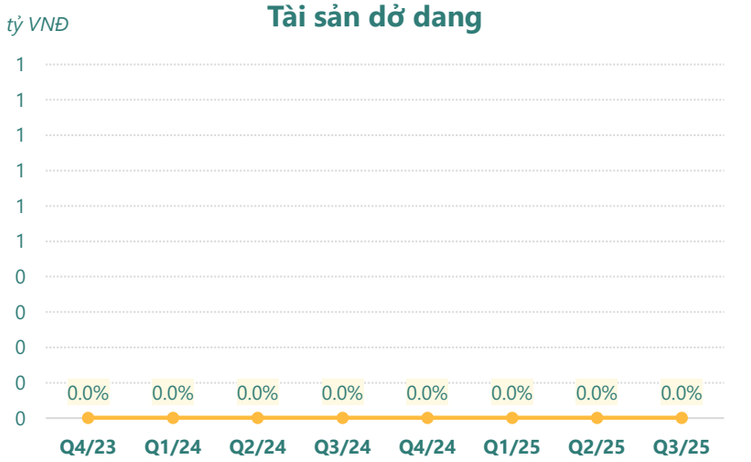
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



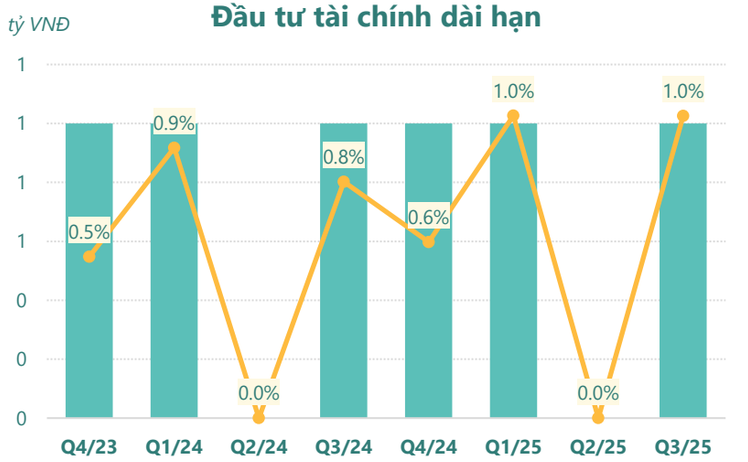
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



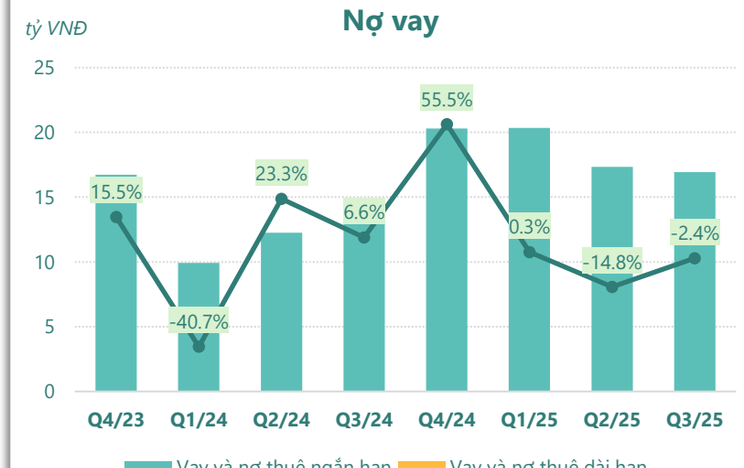
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

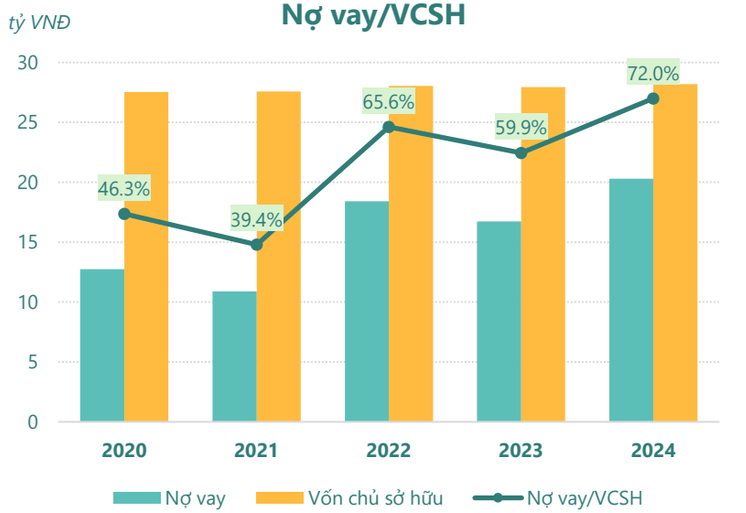
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

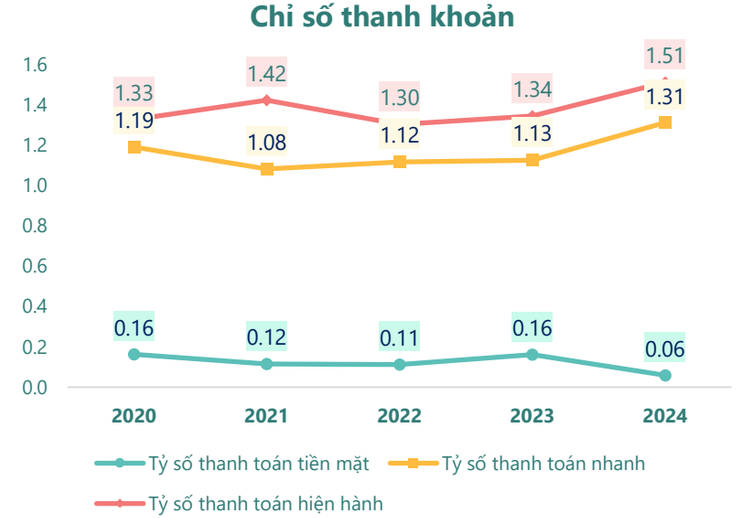
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



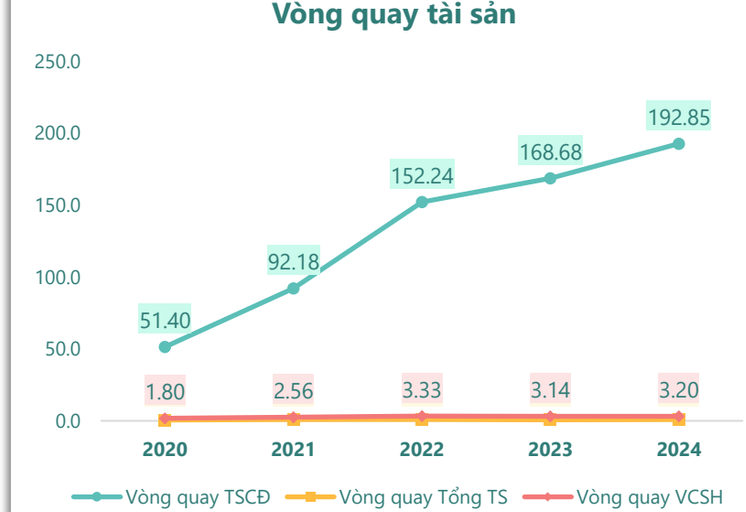
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



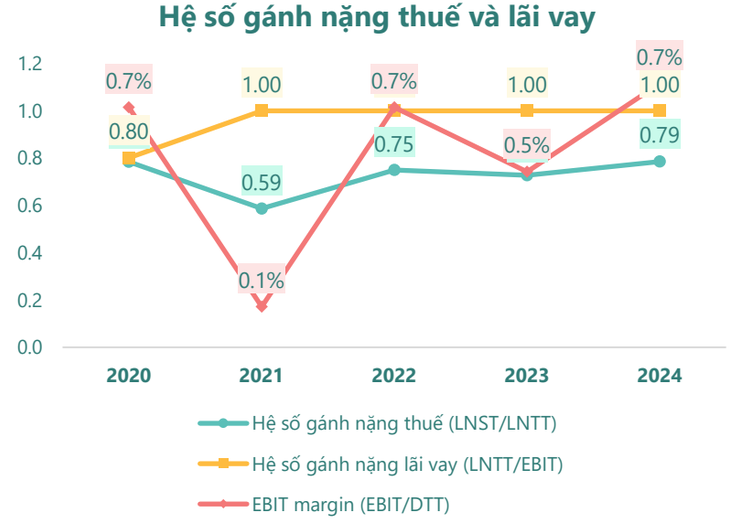
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



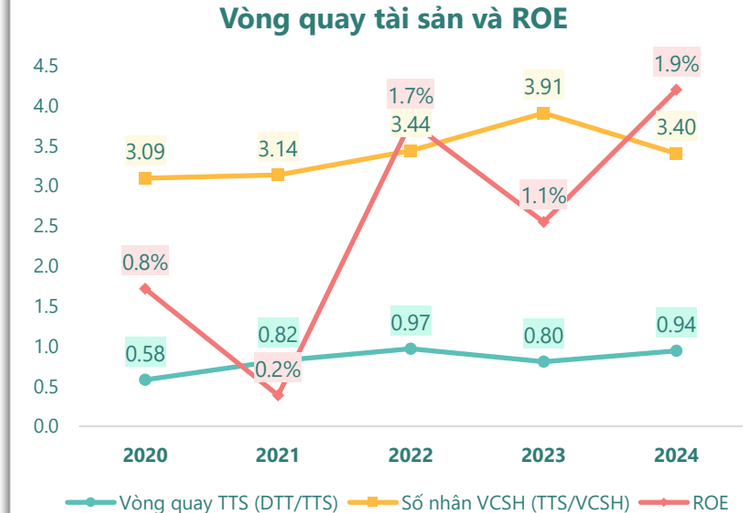
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



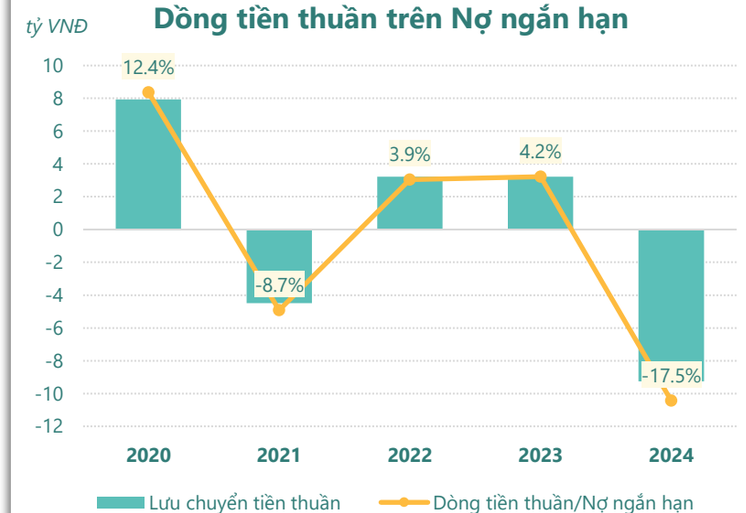
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**14.7**	**15.1**	**-2.8%**	**46.5**	**48.4**	**-3.8%**
Giá vốn hàng bán	13.9	14.4	-3.2%	44.1	46.1	-4.2%
Lợi nhuận gộp	0.75	0.70	7.2%	2.38	2.28	4.1%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	0.00	51.3%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**0.66**	**0.66**	**-0.3%**	**2.09**	**2.13**	**-1.7%**
LN thuần từ HĐKD	0.09	0.04	136%	0.29	0.15	85.0%
Lợi nhuận khác	**0**	**0.02**	**-100%**	**0**	**0.02**	**-100%**
LN trước thuế	0.09	0.06	57.4%	0.29	0.18	63.4%
Lợi nhuận sau thuế	**0.08**	**0.05**	**51.1%**	**0.23**	**0.13**	**75.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.08**	**0.05**	**51.1%**	**0.23**	**0.13**	**75.7%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-2.83	2.90	7.61	2.64	7.37	-2.15
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-3.90	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	2.76	-2.73	-5.16	-5.26	2.09	-6.01
Tiền đầu kỳ	0.47	0.49	0.67	3.11	0.50	9.96
Lưu chuyển tiền thuần	**-3.98**	**0.17**	**2.45**	**-2.61**	**9.46**	**-8.15**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.49	0.67	3.11	0.50	9.96	1.80

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**97.5**	**83.5**	**16.7%**
Tài sản ngắn hạn	93.2	79.8	16.8%
Tiền và tương đương tiền	1.80	3.11	-42.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	83.3	65.0	28.3%
Hàng tồn kho	7.00	10.6	-33.8%
Tài sản ngắn hạn khác	1.04	1.16	-10.0%
Tài sản dài hạn	**4.30**	**3.74**	**15.2%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0.39	0.44	-9.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	1.00	0	
Tài sản dài hạn khác	**2.91**	**3.30**	**-11.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	69.4	55.3	25.3%
Nợ ngắn hạn	**66.8**	**52.8**	**26.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	16.9	20.3	-16.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.32	0.13	152%
Nợ dài hạn	2.62	2.56	2.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**28.1**	**28.2**	**-0.2%**
Vốn chủ sở hữu	**28.1**	**28.2**	**-0.2%**
Vốn điều lệ	26.7	26.7	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)